

Bản án số: 246/2024/DS-PT
Ngày: 07 – 5 - 2024
V/v tranh chấp “Chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 04 năm 2024 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 540A/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Hồ Thị N, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981. Địa chỉ: 2 Đ, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

1.2. Hồ Thị C, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

1.3. Hồ Thị T, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Hồ Ngọc H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Hồ Thị C, Hồ Thị T, Hồ Ngọc H có bà: Hồ Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Võ Thị Kim L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

2.2. Hồ Thị Thùy D, sinh năm 1992 (có mặt).

2.3. Hồ Thị Thanh N1, sinh năm 2001 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ A ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Võ Thị Kim L, Hồ Thị Thùy D, Hồ Thị Thanh N1 có chị: Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985. Địa chỉ: 1 H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Hồ Thị Q, sinh năm 1942. Địa chỉ: Tổ A ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Hồ Thị V, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ A ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

3.3 Trần Hữu T1, sinh năm 1974. Địa chỉ: 8 T, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Hồ Thị N, Hồ Thị T, Hồ Thị C, Hồ Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Hồ Thị N trình bày:

Cha bà cụ Hồ Văn H1 (sinh năm 1923, chết năm 2017) và mẹ bà cụ Phan Thị T2 (sinh năm 1924, chết năm 2008) có tất cả 10 người con gồm: Hồ Thị Q, Hồ Thị V, Hồ Thị N, Hồ Thị T, Hồ Thị C, Hồ Ngọc H, Hồ Ngọc T3 (chết 1965), Hồ Văn Y (chết năm 2015), Hồ Văn T4 (chết năm 2012) và Hồ Văn P1 (chết năm 2011) có vợ là Võ Thị Kim L và các con Hồ Thị Thùy D, Hồ Thanh N1.

Ông Hồ Văn P1 chết không để lại di chúc, di sản về quyền sử dụng đất của ông P1 gồm 04 thửa:

- Thửa số 940, diện tích 1.980 m², loại đất Q (đã giảm hết diện tích thành thửa 103 và bị đơn đã bán cho ông Trần Hữu T1).
- Thửa số 1009, diện tích 110m², loại ND.
- Thửa số 1010, diện tích 1.420m², loại 2L.
- Thửa số 103, diện tích 2.003m², loại đất vườn.

Theo thông báo số 49/TB ngày 05/7/2012 và số 92/TB ngày 17/9/2012 của Văn phòng C1 thì cụ Hồ Văn H1 là một trong bốn người đồng thừa kế với mẹ, con bà Võ Thị Kim L. Nhưng từ tháng 9/2012 đến nay chúng tôi chưa thấy cha chúng tôi nhận phần thừa kế di sản quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn P1. Cha chúng tôi

Hồ Văn H1 đã chết năm 2017 nên chúng tôi những người đồng thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H1 yêu cầu chia di sản thừa kế, phần cụ H1 được hưởng di sản từ ông P1. Hiện mẹ con bà Võ Thị Kim L vẫn đang quản lý toàn bộ di sản của ông P1, chúng tôi đã gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B hoà giải về những yêu cầu trên. Ủy ban nhân dân xã B đã mở 02 cuộc hoà giải vào ngày 18/10/2019 và ngày 15/11/2019 nhưng phía bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không dự buổi hoà giải vì vậy chúng tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông P1 theo quy định của pháp luật phần ông H1 được hưởng $\frac{1}{4}$ trong tổng diện tích đất do ông P1 để lại gồm:

1/ Thửa 1009, diện tích $110m^2$ đất nghĩa địa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1181, cấp ngày 29/4/1998.

2/ Thửa 940 giảm hết diện tích thành thửa 103, diện tích $2.003,8m^2$ đất vườn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00721, cấp ngày 29/4/1999.

3/ Thửa 1010, diện tích $1.420m^2$ đất vườn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02594 cấp ngày 03/12/1999.

Đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nay chúng tôi yêu cầu nhận $\frac{1}{4}$ kỷ phần của ông H1 được chia.

Bị đơn bà Võ Thị Kim L, chị Hồ Thị Thùy D, chị Hồ Thị Thanh N1 trình bày:

Vào năm 1988 chồng, cha của chúng tôi là ông Hồ Văn P1 được cha là cụ Hồ Văn H1 cho $3.510m^2$ đất các loại. Ông P1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất vừa nêu như sau: Thửa 940 + thửa 1009, diện tích $110m^2$ đất nghĩa địa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1181, cấp ngày 29/4/1998; Thửa 103, diện tích $2.003,8m^2$ đất vườn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00721, cấp ngày 29/4/1999, chúng tôi đã chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T1 vào ngày 04/10/2017 tại Văn phòng C2 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4673, quyền số 01/2017TP/CC-SCC/HĐGD; Thửa 1010, diện tích $1.420m^2$ đất vườn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02594, cấp ngày 03/12/1999.

Năm 2011, ông Hồ Văn P1 bệnh chết, không để lại di chúc. Trong các ngày 13/6/2012 và ngày 26/10/2012 hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 gồm: cha ông P1 là Hồ Văn H1, vợ, các con ông P1 là chúng tôi đã đến văn phòng C1 lập văn bản thoả thuận phân chia di sản, theo văn bản vừa nêu cụ H1 đồng ý cho chúng tôi phần di sản của cụ được hưởng thừa kế tài sản của ông P1 chết để lại, nên nguyên đơn yêu cầu chúng tôi phải chia phần di sản là phần thừa kế của cụ H1 được hưởng của ông P1 để lại theo chúng tôi là không có cơ sở, bởi lẽ hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 hiện nay gồm có cụ H1 và chúng tôi. Sau khi ông P1 chết, trong trạng thái sức khoẻ bình thường, cụ H1 đã lập văn bản cho tặng phần di sản của cụ được hưởng từ ông P1 cho chúng tôi, điều này đồng nghĩa với việc khi còn sống, cụ H1 đã định đoạt tài sản của cụ được hưởng từ ông P1 thì cụ H1 làm gì còn di sản thừa kế để mà tranh chấp đòi chia. Nay đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Q, bà Hồ Thị V trình bày không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các lý do: Năm 2011, ông Hồ

Văn P1 bệnh chết, không để lại di chúc, trong ngày 13/6/2012 và 26/10/2012 hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 gồm cha ông P1 là cụ Hồ Văn H1, vợ và các con ông P1 là các bị đơn đã đến Văn phòng C1 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản, theo ý kiến của cụ H1 đã đồng ý cho các bị đơn phần di sản của cụ được hưởng thừa kế của ông P1 chết để lại và được thể hiện bằng văn bản lưu giữ tại Phòng công chứng, hơn nữa lúc từ chối nhận di sản thừa kế của ông P1 thì cụ H1 rất minh mẫn, sáng suốt, có đi khám sức khỏe về thần kinh nên chúng tôi khẳng định, tài sản ông P1 chết để lại cho vợ con ông P1 là hoàn toàn hợp pháp, phù hợp đạo đức xã hội. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia tài sản mà cha chúng tôi được hưởng trong khối di sản của ông P1 là không có cơ sở, vì khi cha chúng tôi còn sống đã tự định đoạt, không nhận phần tài sản này, do đó cha chúng tôi không còn di sản để lại cho các anh chị em chúng tôi nữa. Là con của cụ H1, chúng tôi đều biết đến những điều đó và không có ngăn cản cụ H1 thực hiện việc tặng cho di sản của cụ được hưởng thừa kế của ông P1 chết để lại. Việc tranh chấp của các nguyên đơn là không có căn cứ, vì vậy đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ông Trần Hữu T1 trình bày không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi: Thửa đất 103, diện tích 2003,8m² đất vườn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00721, cấp ngày 29/4/1999, tôi đã chuyển nhượng từ bà Võ Thị Kim L cùng các con là Hồ Thị Thủy D, Hồ Thị Thanh N1 vào ngày 04/10/2017 tại Văn phòng C2 theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số công chứng 4673, quyền số 01/2017TP/CC-SCC/HĐGD. Khi chúng tôi tiến hành làm thủ tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng công chứng thì không có bất kỳ văn bản ngăn cản hay sự không đồng thuận của ai, mọi thủ tục mua bán đều diễn ra công khai minh bạch. Trong hồ sơ chuyển nhượng, mẹ con của bà L đã đứng tên hợp pháp, không còn phần tài sản nào liên quan đến cụ Hồ Văn H1. Hiện tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 1, đang thuộc quyền sở hữu và quản lý của tôi đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp theo đúng quy định của pháp luật. Việc tranh chấp của các nguyên đơn là không có căn cứ, vì vậy đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn liên quan đến thửa đất của tôi.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 540A/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Điều 167 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần di sản của ông Hồ Văn P1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn Hồ Thị N, Hồ Thị T, Hồ Thị C, Hồ Ngọc H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các nguyên đơn Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Võ Thị Kim L cùng các con là Hồ Thị Thùy D, Hồ Thị Thanh N1 chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần di sản của ông Hồ Văn P1 cho ông Hồ Văn H1.

- Người kháng cáo Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người kháng cáo các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H không có cung cấp thêm chứng cứ nào mới để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 540A/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Các nguyên đơn Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Kim L cùng các con là Hồ Thị Thùy D, Hồ Thị Thanh N1 chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần di sản của ông Hồ Văn P1 để lại cho ông Hồ Văn H1 nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “yêu cầu chia thừa kế” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa các nguyên đơn Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H với bị đơn bà Võ Thị Kim L, Hồ Thị Thùy D và Hồ Thị Thanh N1 là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

- Bà Hồ Thị Q và Hồ Thị V là con gái lớn thứ hai và thứ tư của ông H1 trình bày sau khi ông Hồ Văn P1 bệnh chết cụ H1 có đến văn phòng C1 lập văn bản thỏa thuận tặng cho phần di sản của mình được hưởng cho vợ và các con ông P1. Thời điểm đó cụ H1 rất minh mẫn, sáng suốt có đi khám sức khỏe về thần kinh nên hai bà khẳng định tài sản ông P1 chết để lại cho vợ con ông P1 là hoàn toàn hợp pháp, phù hợp đạo đức xã hội.

- Tại các giấy y chứng ngày 20/02/2012 (bút lục 309), ngày 06/01/2014 (bút lục 311) và ngày 12/01/2017 (bút lục 310) của Bệnh viện T5 đều thể hiện tình trạng tâm thần của ông Hồ Văn H1 là bình thường. Cho thấy thời gian trước khi chết tình trạng tâm thần của ông H1 là ổn định và minh mẫn trong thời gian dài.

- Khi tiến hành thủ tục cho bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có tiến hành lập biên bản đo đạc ghi nhận ranh giới, mốc giới thửa đất 1009 vào ngày 05/9/2012 của UBND xã B có bà N ký giáp ranh tứ cận (bút lục 265). Trong biên bản này có thể hiện rõ nội dung cho bà L hưởng thừa kế. Điều này thể hiện bà N đã có biết việc bà L được thừa kế đất ông P1 để lại trong một thời gian dài từ lúc ông H1 còn sống cho đến khi chết mà không có tranh chấp.

- Đối với hồ sơ công chứng là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

* Từ các chi tiết trên nhận thấy lời trình bày của bà Q, bà V phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc ông H1 tặng cho di sản của mình được hưởng từ ông P1 cho vợ con ông P1 được mọi người con trong nhà đều biết và không phản đối cho đến khi ông H1 chết. Do đó cấp sơ thẩm bác yêu cầu các nguyên đơn là có căn cứ. Người **kháng cáo** nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên bác.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T được miễn án phí phúc thẩm do là người cao tuổi; bà Hồ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 540A/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T và Hồ Ngọc H về việc yêu cầu bà Võ Thị Kim L cùng các con là Hồ Thị Thùy D, Hồ Thị Thanh N1 chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần di sản của ông Hồ Văn P1 để lại cho ông Hồ Văn H1.

2. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn phải chịu là 4.210.000 đồng và đã nộp xong.

3. Về án phí: các ông bà Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T được miễn án phí phúc thẩm do là người cao tuổi; bà Hồ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0010798 ngày 04/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang. Bà H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Miễn án phí cho Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T. H2 lại cho Hồ Thị N, Hồ Thị C, Hồ Thị T, Hồ Ngọc H 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002523 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang. Bà Hồ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân